



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Kiểm toán căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001011341	Lê Ngọc	Anh	20/04/2004	NH10A	09					
2	000002	1001010759	Nguyễn Linh	Đan	07/08/2004	NH10A	09					
3	000003	1001010761	Lã Chí	Đạt	22/11/2004	NH10A	09					
4	000004	1001010081	Phạm Thị	Dịu	06/02/2004	NH10A	09					
5	000005	1001011720	Đinh Xuân	Đức	07/10/2004	NH10A	09					
6	000006	1001011688	Phạm Thị Kim	Dung	26/05/2004	NH10A	09					HP
7	000007	1001010773	Tôn Ngọc	Dương	14/05/2004	NH10A	09					
8	000008	1001011689	Bùi Đức	Duy	06/10/2004	NH10A	09					
9	000009	1001010776	Trần Mỹ	Duyên	21/08/2004	NH10A	09					
10	000010	1001010777	Trần Ngọc	Hà	10/04/2004	NH10A	09					
11	000011	1001010784	Trần Minh	Hiếu	06/12/2004	NH10A	09					
12	000012	1001010785	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	12/08/2004	NH10A	09					
13	000013	1001011351	Mai Trung	Hoàng	26/01/2004	NH10A	09					
14	000014	1001010787	Nguyễn Xuân	Hoàng	28/10/2004	NH10A	09					
15	000015	1001010791	Cầm Quế	Hương	22/07/2004	NH10A	09					
16	000016	1001010793	Vũ Lan	Hương	20/11/2004	NH10A	09					
17	000017	1001011388	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	12/07/2004	NH10A	09					
18	000018	1001011693	Hoàng Văn	Khỏe	02/04/1996	NH10A	09					
19	000019	1001010799	Phạm Duy	Kiên	14/12/2003	NH10A	09					
20	000020	1001010800	Nguyễn Hoàng	Lâm	07/02/2004	NH10A	09					
21	000021	1001010804	Lê Phương	Liên	21/09/2004	NH10A	09					
22	000022	1001010809	Lê Thị Thùy	Linh	01/09/2004	NH10A	09					
23	000023	1001010812	Nguyễn Diệp	Linh	25/07/2004	NH10A	09					
24	000024	1001010813	Nguyễn Hà	Linh	24/08/2004	NH10A	09					
25	000025	1001011450	Nguyễn Thị Mai	Linh	10/02/2004	NH10A	09					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Kiểm toán căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000026	1001010815	Trịnh Văn	Lộc	13/10/2004	NH10A	09					
2	000027	1001010819	Lê Phú	Lương	27/12/2004	NH10A	09					
3	000028	1001010827	Nguyễn Đức	Minh	23/03/2004	NH10A	09					
4	000029	1001010829	Nguyễn Trà	My	04/11/2004	NH10A	09					
5	000030	1001010832	Hà Khánh	Nam	25/12/2003	NH10A	09					
6	000031	1001010841	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	03/11/2003	NH10A	09					
7	000032	1001010842	Ngô Thế	Phát	17/11/2004	NH10A	09					
8	000033	1001011374	Nguyễn Thị Thanh	Phương	28/12/2004	NH10A	09					
9	000034	1001010851	Nguyễn Ngọc	Quân	03/10/2004	NH10A	09					
10	000035	1001011463	Ngô Thị Ngọc	Quỳnh	28/07/2004	NH10A	09					
11	000036	1001011377	Đặng Thị Thanh	Thắm	02/09/2004	NH10A	09					
12	000037	1001010859	Nguyễn Quang	Thắng	21/10/2003	NH10A	09					
13	000038	1001010861	Lê Bá	Thanh	22/03/2004	NH10A	09					
14	000039	1001010869	Hoàng Thị Minh	Thu	25/09/2004	NH10A	09					
15	000040	1001011380	Đào Thị Phương	Thư	13/11/2004	NH10A	09					
16	000041	1001010297	Lê Long	Thủy	15/10/2000	NH10A	09					
17	000042	1001011381	Phan Thị Hồng	Thúy	26/02/2004	NH10A	09					
18	000043	1001010876	Vũ Huy	Tiến	08/06/2004	NH10A	09					
19	000044	1001010877	Đinh Đức	Toàn	14/07/2004	NH10A	09					
20	000045	1001011458	Hoàng Bảo	Trân	01/12/2003	NH10A	09					
21	000046	1001010880	Bùi Thị Thùy	Trang	13/05/2004	NH10A	09					
22	000047	1001010882	Lưu Huỳnh Thùy	Trang	08/12/2004	NH10A	09					
23	000048	1001010883	Lý Thùy	Trang	30/12/2004	NH10A	09					
24	000049	1001010886	Vũ Thanh	Trúc	08/03/2004	NH10A	09					
25	000050	1001010888	Lương Ngọc	Tùng	16/12/2004	NH10A	09					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2